

Số:

Đồng Nai, ngày tháng năm

## THƯ MỜI

### **Nộp hồ sơ cung ứng thuốc (lần 01) sử dụng tại Nhà thuốc Bệnh Viện Nhi đồng Đồng Nai năm 2026 - 2027**

Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai xin gửi tới Quý công ty lời chào trân trọng!

Nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng thuốc phục vụ công tác khám, chữa bệnh và điều trị theo yêu cầu, Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai gửi tới Quý công ty danh mục thuốc mời cung ứng vào Nhà thuốc (lần 01) của Bệnh viện năm 2026 – 2027 (*Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm*).

Bệnh viện kính mời Quý công ty có năng lực và khả năng cung ứng các thuốc trong danh mục nêu trên, vui lòng gửi hồ sơ pháp lý của công ty và hồ sơ sản phẩm theo hướng dẫn trong mục Hồ sơ yêu cầu (*Chi tiết tại Phụ lục 2 đính kèm*).

#### **Nguyên tắc xét chọn hồ sơ:**

- Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.
- Giá chào không được vượt quá đơn giá trúng thầu theo kết quả lựa chọn nhà thầu đã được đơn vị cung ứng nộp kèm theo hồ sơ, đồng thời không được cao hơn đơn giá trúng thầu tại Sở Y tế Đồng Nai đối với thuốc cùng hoạt chất, nồng độ, hàm lượng, dạng bào chế, cùng tên thương mại.
- Các thuốc có cùng hoạt chất, nồng độ, hàm lượng, dạng bào chế và nhóm tiêu chí kỹ thuật sẽ được xét duyệt dựa trên tiêu chí giá chào thấp nhất.

**Hình thức:** Đăng tải Thư mời cung ứng hàng hóa trên Website của Bệnh viện (<https://benhviennhidongnai.org.vn/>).

Thời gian thực hiện hợp đồng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

**Nộp hồ sơ:** Tại Khoa Dược, Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai.

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Phường Tam Hiệp, tỉnh Đồng Nai.

Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày thông báo đến hết ngày 16/03/2026.

Mọi thắc mắc xin liên hệ: DS. Nguyễn Thị Vui, điện thoại: 038 6812 210.

Rất mong sự hợp tác từ Quý Công ty.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.

**GIÁM ĐỐC**

**LÊ ANH PHONG**

**PHỤ LỤC I****DANH MỤC THUỐC MỜI CUNG ỨNG (LẦN 01) SỬ DỤNG TẠI NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN NHI ĐỒNG ĐỒNG NAI NĂM 2026 - 2027**

(Đính kèm Thư mời số:

ngày tháng năm

của Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai)

STT	Nhóm TCKT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	ĐVT	Quy cách	Số đăng ký hoặc số GPNK	Cơ sở SX	Nước SX	Đơn giá (VAT)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	4	Acetylcystein		100 mg	Viên hòa tan nhanh	Uống	Viên	10.000					
2	4	Albendazol		200mg	Viên	Uống	Viên	1.500					
3	4	Albendazol		200mg/10ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Gói/Ống/ Túi	1.500					
4	4	Albendazol		400mg/20ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Gói/Ống/ Túi	1.500					
5	4	Ambroxol HCl + Clenbuterol HCl		(7,5mg + 0,005mg)/5ml; 10ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Ống	20.000					
6	4	Ambroxol HCl		15mg/5ml;60ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ	3.000					
7	2	Ambroxol HCl		30mg/5ml; 100ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ	8.600					
8	4	Amoxicilin		500mg	Viên hòa tan nhanh	Uống	Viên	10.000					

STT	Nhóm TCKT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	ĐVT	Quy cách	Số đăng ký hoặc số GPNK	Cơ sở SX	Nước SX	Đơn giá (VAT)	Ghi chú
9	2	Amoxicilin + acid clavulanic		400 mg + 57 mg	Viên hòa tan nhanh	Uống	Viên	119.000					
10	4	Azithromycin		200mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói/Túi	16.800					
11	4	Baclofen		10mg	Viên hòa tan nhanh	Uống	Viên	2.200					
12	4	Bào tử Bacillus clausii		4 tỷ/5ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Ống	43.200					
13	4	Calci glycerophosphat; L-lysine HCl; Vitamin A ; Vitamin B1 ; Vitamin B2; Vitamin B6; Vitamin C ; Vitamin D3; Vitamin E		(210mg + 200mg + 1000IU + 3mg + 3mg + 2mg + 12mg + 100IU + 10mg)/10ml; 10ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Ống	12.000					
14	1	Calcifediol monohydrat		1,5mg/10ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ	1.000					
15	4	Cefpodoxim		100mg/5ml; 90ml	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Chai/Lọ	1.000					
16	4	Cefpodoxim		40mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói/Túi	20.000					
17	4	Cefpodoxim		50mg/5ml; 90ml	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Chai/Lọ	1.000					

STT	Nhóm TCKT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	ĐVT	Quy cách	Số đăng ký hoặc số GPNK	Cơ sở SX	Nước SX	Đơn giá (VAT)	Ghi chú
18	4	Clorhexidin gluconat 20%		0,6ml/100ml; 200ml	Thuốc tác dụng tại niêm mạc miệng	Súc họng; miệng	Chai/Lọ	200					
19	2	Desloratadin		0,5mg/ml; 60ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ	12.000					
20	4	Desloratadin		0,5mg/ml; 90ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ	12.000					
21	4	Desloratadin		2,5mg/5ml; 45ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ	12.000					
22	4	Dextrose Anhydrous + Potassium Chloride + Sodium Chloride + Trisodium Citrate Dihydrate		2,7g + 300mg + 520mg + 580mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói/Túi	30.000					
23	1	Ergocalciferol (Vitamin D2)		2000000 IU/100ml; 20ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ	2.400					
24	4	Fexofenadin hydroclorid		30mg/5ml; 5ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Gói/Túi	10.000					
25	BD	Fluticason propionat		125mcg/liều xịt; 120 liều	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Hô hấp	Chai/Lọ/ Bình	240					
26	4	Ibuprofen		100mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói/Túi	30.000					

STT	Nhóm TCKT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	ĐVT	Quy cách	Số đăng ký hoặc số GPNK	Cơ sở SX	Nước SX	Đơn giá (VAT)	Ghi chú
27	2	Ibuprofen		100mg/5ml; 100ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ	10.000					
28	4	Ibuprofen		100mg/5ml; 30g	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Chai/Lọ	2.000					
29	4	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat)		10mg/5ml; 80ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ	4.000					
30	4	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat)		2 mg/ml; 10ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Ống	20.000					
31	4	Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat)		8mg/5ml; 10ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Ống	84.000					
32	4	Levocetirizin dihydrochlorid		0,5mg/ml; 5ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Ống	19.800					
33	2	Montelukast		4mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói/Túi	14.000					
34	4	Montelukast		4mg	Viên hòa tan nhanh	Uống	Viên	14.000					
35	BD	Montelukast		4mg	Viên	Uống	Viên	14.000					
36	4	Montelukast		5mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói/Túi	6.000					
37	4	Montelukast		5mg	Viên hòa tan nhanh	Uống	Viên	6.000					

STT	Nhóm TCKT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	ĐVT	Quy cách	Số đăng ký hoặc số GPNK	Cơ sở SX	Nước SX	Đơn giá (VAT)	Ghi chú
38	BD	Montelukast		5mg	Viên	Uống	Viên	6.000					
39	4	Natri clorid		90mg/10ml	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mũi	Nhỏ mắt, nhỏ mũi	Chai/Lọ	149.000					
40	4	Paracetamol (acetaminophen)		160mg/5ml; 5ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Gói/Túi	20.000					
41	2	Paracetamol (acetaminophen)		250mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói/Túi	82.000					
42	3	Paracetamol (acetaminophen)		250mg	Bột/cốm/hạt pha uống hòa tan nhanh	Uống	Gói/Túi	82.000					
43	4	Prednisolon		20mg	Viên hòa tan nhanh	Uống	Viên	16.000					
44	1	Risperidon		1 mg	Viên hòa tan nhanh	Uống	Viên	4.500					
45	4	Salbutamol		100mcg/ liều xịt; 200 liều	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Hô hấp	Chai/Lọ/ Bình	120					
46	2	Salbutamol		2mg/5ml; 100ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ	4.000					
47	4	Vitamin A + Vitamin D		2000IU + 400IU	Viên nang	Uống	Viên	10.000					
48	4	Vitamin A + Vitamin D		4000IU + 400IU	Viên nang	Uống	Viên	10.000					

STT	Nhóm TCKT	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	ĐVT	Quy cách	Số đăng ký hoặc số GPNK	Cơ sở SX	Nước SX	Đơn giá (VAT)	Ghi chú
49	4	Vitamin A + Vitamin D		5000IU + 400IU	Viên nang	Uống	Viên	10.000					
50	4	Vitamin C (acid ascorbic)		100mg/5ml; 120ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ	3.000					
51	4	Vitamin C (acid ascorbic)		100mg/5ml; 60ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ	4.500					
52	4	Vitamin C (acid ascorbic) + Kẽm		(100mg + 10mg) /5ml; 60ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ	3.000					
53	4	Vitamin E		400IU	Viên nang	Uống	Viên	2.000					
54	3	Húng chanh + Núc nác + Tinh dầu Bạch đàn		(2,5g + 0,625g + 6,64mg)/5ml; 5ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Gói/Túi	100.000					
55	3	Húng chanh, Núc nác, Cineol.		(500mg, 125mg, 0,883mg)/ml; 120ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Chai/Lọ	12.000					
56	3	Bách bộ		2,5g/5ml; 5ml	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Uống	Gói/Túi	24.000					
<b>Tổng cộng: .....khoản, có giá trị:.....</b>													